

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 43/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Quàng Thị C, sinh năm 1993.

NĐKHKT: Bản NH, xã AC, huyện MA, Điện Biên.

Trú tại: Bản Đ, xã MĐ, huyện MA, tỉnh Điện Biên.

2. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn:

Bà Lường Thị T – Trợ giúp viên pháp lý.

Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên

3. Bị đơn: Anh Lò Văn M, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Bản NH, xã AC, MA, Điện Biên.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

4.1 Ông Lò Văn T.

Nơi cư trú: Bản NH, xã AC, MA, Điện Biên.

4.2 Ngân hàng CS X

Trụ sở: Số 169, phố Linh Đường, P. Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân T – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CS X huyện MA.

Địa chỉ: Bản H, thị trấn MA, MA, Điện Biên.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 59, 71, 81, 82, 83, 84, 86 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức

xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Quàng Thị C và anh Lò Văn M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về hôn nhân: Thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Chị Quàng Thị C và anh Lò Văn M có 01 người con chung là cháu Lò Long N, sinh ngày 23/4/2015. Chị C và anh M thỏa thuận nhất trí: Chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Long N cho đến khi cháu Lò Long N đủ 18 tuổi. Anh Lò Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Thời điểm giao con chung kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lò Văn M có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản anh Lò Văn M thực hiện quyền này.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.3 Về tài sản chung:

Chị Quàng Thị C và anh Lò Văn M thỏa thuận, thống nhất việc chia tài sản chung như sau: Anh M được quyền sở hữu 01 ngôi nhà xây cấp 4 ba gian, diện tích 70m², có bếp nối liền được lợp bằng tấm fibroximăng và công trình phụ nối với bếp đổ mái bê tông cốt thép có giá trị hiện tại là 100.000.000đ. Ngôi nhà xây cấp 4 ba gian và bếp lợp bằng tấm fibroximăng, công trình phụ mái bằng nằm trên diện tích đất 500m² chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mảnh đất của ông Lò Văn T (Bố đẻ của anh M), phía đông giáp nhà ông Lò Văn H, phía tây giáp nhà ông Cà Văn O, phía bắc giáp đường đi xã Nậm Lịch, phía nam giáp ao của ông Lò Văn T.

Ý kiến của ông Lò Văn T: Ông Lò Văn T nhất trí với các thỏa thuận của chị Quàng Thị C và anh Lò Văn M về việc giao quyền sở hữu ngôi nhà và công trình phụ nằm trên đất mà ông T đã cho mượn. Ông T tiếp tục cho con của ông T là Lò Văn M mượn đất vì có ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ trên đất của chị C và anh M và đã thỏa thuận nhất trí anh Lò Văn M được quyền sở hữu ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ nêu trên, khi nào ông T đòi lại thì ông T thông báo sau.

Thời điểm giao nhà và đất kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp

luật.

Về nợ chung phải trả: Chị C và anh M thỏa thuận nhất trí: Anh M có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện MA số tiền gốc là 50.000.000đ vay từ ngày 10/10/2016, thời hạn trả nợ là 05 năm (tính từ ngày 10/10/2016 đến 10/10/2021), lãi suất vay là 0.66%/tháng. Mục đích vay: Làm nhà. Đã trả: Lãi suất đến hết tháng 01/2020.

Ý kiến của Ngân hàng CS X: Ông Nguyễn Xuân T nhất trí với các thỏa thuận của chị C và anh M về việc giao cho anh M trả toàn bộ khoản nợ gốc là 50.000.000đ và lãi suất tính từ tháng 2/2020.

2.4 Về tài sản riêng, nợ chung lấy về: Chị Quàng Thị C và anh Lò Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5 Về án phí: Chị C và anh M mỗi người tự nguyện chịu 75.000^d (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh M tự nguyện chịu tiền án phí đối với một nửa trị giá ngôi nhà (50.000.000đ) là 2.500.000đ. Tổng cộng anh M tự nguyện chịu tiền án phí là 2.575.000đ. Nhưng chị Quàng Thị C và anh Lò Văn M là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên chị Quàng Thị C và anh Lò Văn M được miễn toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch và có giá ngạch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS Mường Ảng;
- UBND xã Ảng Cang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phương

